

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh (Bachelor of English Language)

Trình độ đào tạo : Đại học

Loại hình đào tạo : Chính quy

Hình thức đào tạo : Văn Bằng hai (*Second University Degree*)

Mã ngành : 52220201

(Ban hành tại Quyết định số..... ngày..... của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Cung cấp cho sinh viên kiến thức tương đối rộng về ngôn ngữ Anh, văn hóa xã hội và văn học Anh - Mỹ. Bên cạnh đó, chương trình còn rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như công tác biên-phiên dịch, các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ kinh doanh, kinh tế và xã hội, văn hóa – du lịch, v.v.... Đặc biệt, chương trình cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa và văn minh của các nước cộng đồng Anh Ngữ. Ngoài ra, sinh viên ra trường có khả năng đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương.

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

- Có đạo đức nghề nghiệp, chủ động tham gia công việc, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, hợp tác, khiêm tốn học hỏi đồng nghiệp, tạo ra môi trường làm việc cạnh tranh lành mạnh.
- Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1.2.2. Về kiến thức

- Có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tốt nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp bằng tiếng Anh.
- Sinh viên cũng được trang bị khối kiến thức ngôn ngữ, văn hoá, văn học, khối kiến thức tiếng chuyên sâu (tiếng Anh), khối kiến thức chuyên ngành tự chọn (biên-phiên dịch, kinh tế và

du lịch) nhằm tạo nền tảng để sinh viên có khả năng dịch thuật văn bản và phiên dịch trong các hội nghị, hội thảo chuyên ngành.

- Có hiểu biết về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống, phong tục tập quán của một số khu vực để có thể hòa nhập và góp phần phát triển cộng đồng.

- Được trang bị những thông tin cập nhật về chính sách đổi mới kinh tế, xã hội trong nước và trên thế giới, có khả năng liên tục đổi mới phương pháp làm việc ở từng môi trường cụ thể.

- Có trình độ ngoại ngữ 2 tương đương **bậc 3 (B1)** theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi tốt nghiệp ra trường.

1.2.3. Về kỹ năng

- Có khả năng biên – phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh lưu loát.

- Có khả năng hoạch định, tổ chức công việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập theo từng công việc và môi trường cụ thể.

- Được trang bị kỹ năng quản lý chuyên môn, biết tổ chức các hoạt động nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của cá nhân và đồng nghiệp.

- Biết giao tiếp và ứng xử tạo mối quan hệ tốt với các đối tác trong công việc, với đồng nghiệp và các đối tượng khác trong cộng đồng.

2. Thời gian đào tạo: 2.5 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 90 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh (dự kiến)

Thí sinh đã tốt nghiệp đại học hệ chính quy, tại chức, dân lập không thuộc chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh hoặc Cử nhân tiếng Anh **đáp ứng được yêu cầu tuyển sinh của trường ĐHAG.**

Thí sinh dự thi 02 bài thi đầu vào:

- Bài thi Viết tổng hợp tiếng Anh

- Bài thi Vấn đáp tiếng Anh

- Điều kiện xét tuyển: Mỗi môn thi phải đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 262/VBHN-ĐHAG ngày 18/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

6. Thang điểm

Thang điểm 10 (sau đó quy đổi thành thang điểm 4).

7. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	
1	LAS501V	Ngữ âm 1	2	2		30		I
2	LAS503V	Ngữ pháp 1	2	2		30		
3	GSK501V	Nói 1	2	2		24	12	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm		
4	GSK502V	Nghe 1	2	2		30			
5	GSK503V	Đọc hiểu 1	2	2		30			
6	GSK504V	Viết 1	2	2		30			
7	GSK525V	Nói trước công chúng	2		2	30			
8	GSK526V	Giao thoa văn hóa	2			30			
Tổng số tín chỉ học kỳ I: 14 (Bắt buộc: 12; Tự chọn: 2)									
1	LAS502V	Ngữ âm 2	2	2		30			II
2	LAS504V	Ngữ pháp 2	2	2		30			
3	GSK505V	Nói 2	2	2		24	12		
4	GSK506V	Nghe 2	2	2		30			
5	GSK507V	Đọc hiểu 2	2	2		30			
6	GSK508V	Viết 2	2	2		30			
7	LAS508V	Lý thuyết dịch	2	2		30			
Tổng số tín chỉ học kỳ II: 14 (Bắt buộc: 14; Tự chọn: 0)									
1	GSK305V	Nói 3	3	3		38	14	III	
2	GSK306V	Nghe 3	3	3		45			
3	GSK307V	Đọc hiểu 3	3	3		45			
4	GSK308V	Viết 3	3	3		45			
5	LAS505V	Ngữ pháp 3	2	2		30			
6	LAS509V	Biên dịch và Phiên dịch 1	3	3		45			
7	ENG504V	Tiếng Anh thương mại 1	2		2	30			
8	ENG505V	Tiếng Anh Du lịch 1	2			30			
Tổng số tín chỉ học kỳ III: 19 (Bắt buộc: 17; Tự chọn: 2)									
1	LAS526V	Dẫn luận ngôn ngữ tiếng Anh	2	2		30		IV	
2	GSK534V	Nói 4	3	3		38	14		
3	GSK535V	Nghe 4	3	3		45			
4	GSK536V	Đọc hiểu 4	3	3		45			
5	GSK537V	Viết 4	3	3		45			
6	LAS510V	Biên dịch và Phiên dịch 2	3	3		45			
7	MOR507V	Phương pháp nghiên cứu khoa học - TA	3	3		45			
8	ENG506V	Tiếng Anh thương mại 2	3		3	45			
9	ENG507V	Tiếng Anh cho Du lịch 2	3			45			

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm		
Tổng số tín chỉ học kỳ IV: 23(Bắt buộc: 20; Tự chọn:3)									
1	SOC502V	Anh Quốc học	2		2	30		V	
2	SOC503V	Hoa Kỳ học	2			30			
3	LIT502V	Văn chương Anh	2		2	30			
4	LIT504V	Văn chương Hoa Kỳ	2			30			
5	LAS525V	Ngữ âm học – Âm vị học	2		2	30			
6	LAS513V	Hình thái học	2			30			
7	LAS511V	Cú pháp	2			30			
8	ENG906V	Thực tập ngôn ngữ Tiếng Anh	4		4	240			
9	ENG907V	Khóa luận tốt nghiệp - TA	10		10				
Các học phần thay thế thực tập ngôn ngữ Tiếng Anh và khóa luận tốt nghiệp:									
10	GSK530V	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2		14	30			
11	LAS517	Phân tích diễn ngôn	2			30			
12	LAS515	Ngữ dụng học - TA	2			30			
13	LAS516	Ngữ nghĩa học	2			30			
14	GSK531	Viết học thuật	2			30			
15	GSK532	Biên dịch thư tín thương mại và văn phòng	3			45			
16	LAS910	Biên dịch và Phiên dịch 3	3			45			
17	LAS911	Ngữ pháp 4	2			30			
18	MS MỚI	Nói 5	2			24	12		
19	MS MỚI	Nghe 5	2			30			
20	MS MỚI	Đọc hiểu 5	2			30			
21	MS MỚI	Viết 5	2			30			
Tổng số tín chỉ học kỳ V: 20 (Bắt buộc:0; Tự chọn:20)									